

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm liên kết đầu tư



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

VITA SỐNG LẠC QUAN

Điểm tựa vững chắc cho gia đình an vui

111 bệnh hiểm nghèo

- Bảo vệ toàn diện trước **111 bệnh hiểm nghèo**

600% Số tiền bảo hiểm

- Chi trả quyền lợi nhiều lần lên đến **600% Số tiền bảo hiểm** cho các Bệnh hiểm nghèo ngay từ khi phát hiện Bệnh

Hỗ trợ tài chính định kỳ

- **Hỗ trợ tài chính** định kỳ nếu mắc phải Ung thư

Danh mục bảo vệ đa dạng

- Danh mục **bảo vệ đa dạng** gồm các Bệnh hiểm nghèo cho trẻ em, Biến chứng bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC ANH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

Generali SIS Bản số :ULP7
In ngày: 05/07/2024 14:14:29

Thông tin công ty

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 7.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generali-life.com.vn

Số điện thoại
Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888



Website: generali.vn



Báo cáo sản phẩm & hoạt động quỹ
<https://generali.vn/lai-suat>

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỲNH NGỌC ANH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 2 / 27

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: CHỊ TRANG	Tuổi: 30	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 1	Nghề nghiệp: Bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, nha sĩ
Định kỳ đóng phí: Hàng năm	Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm			Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
CHỊ TRANG	30	Nữ	1	0	VITA - SỐNG LẠC QUAN	500.000	69	9.010
				0	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	500.000	45	4.615
				0	VITA – Sức khỏe vàng			
				0	- Nội trú - Tiêu chuẩn		20	3.617
				0	- Ngoại trú - Tiêu chuẩn		20	1.794
				0	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	500.000	20	1.375
				0	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng		45	654

	Hàng năm	Hàng nửa năm
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	13.625	6.813
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1	7.440	3.720
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	21.065	10.533
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	3.935	
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	25.000	

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỲNH NGỌC ANH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024
Trang số : 3 / 27

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 năm, phí bảo hiểm định kỳ trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.
- Đối với VITA – Sức Khỏe Vàng, Thời hạn bảo hiểm là một năm và được gia hạn hàng năm. Phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là phí của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo sẽ thay đổi theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm hợp đồng.



TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị: nghìn đồng

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ (minh họa tại mức lãi suất 5,3%/năm)	
	Quyền lợi chi trả
▪ Quyền lợi duy trì hợp đồng (*) lên đến	10.893
▪ Quyền lợi tiền mặt định kỳ mỗi 03 năm (*)	1.000
▪ Quyền lợi khi kết thúc hợp đồng	-

QUYỀN LỢI TỬ VONG	
▪ Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa 500.000 và giá trị Tài khoản cơ bản, cộng với giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có)
▪ Tử vong do Tai nạn	chi trả thêm 500.000 (**)

QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN (bảo vệ đến trước 75 Tuổi)		
	Quyền lợi chi trả mỗi bệnh	Quyền lợi chi trả tối đa
▪ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	125.000	250.000
▪ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau	500.000	2.500.000
▪ Hỗ trợ tài chính khi mắc Ung thư (***)	12.500	50.000
▪ Biến chứng bệnh tiểu đường	125.000	125.000

Ghi chú:

- (*) Quyền lợi duy trì hợp đồng bằng 10% tổng số tiền lãi đầu tư đã được tích lũy trong 36 tháng liền kề trước thời điểm xem xét quyền lợi. Quyền lợi tiền mặt định kỳ bằng giá trị nhỏ hơn giữa 0,2% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm xem xét quyền lợi và 3 triệu đồng. Quyền lợi duy trì hợp đồng và Quyền lợi tiền mặt định kỳ được chi trả bắt đầu từ cuối Năm hợp đồng thứ 03 và mỗi 03 Năm hợp đồng sau đó cho đến cuối Năm hợp đồng thứ 21.
- (**) Áp dụng khi NĐBH tử vong do Tai nạn trước Ngày kỉ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 Tuổi.
- (***) Bắt đầu chi trả từ 01 năm sau ngày NĐBH được Chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau thuộc Nhóm bệnh Ung thư và mỗi năm sau đó, tối đa 04 lần chi trả hoặc đến khi NĐBH đạt 75 Tuổi, tùy thời điểm nào đến trước.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 5 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	25.000	11.526	375.000	2.500.000	503.565	500.000	-	-	3.565	3.565	-
2/32	50.000	16.617	375.000	2.500.000	507.463	500.000	-	-	11.860	7.463	-
3/33	75.000	18.031	375.000	2.500.000	512.568	500.000	134	1.000	23.091	12.568	-
4/34	100.000	20.172	375.000	2.500.000	516.942	500.000	-	-	35.909	19.057	-
5/35	125.000	23.245	375.000	2.500.000	521.549	500.000	-	-	52.520	37.774	-
6/36	150.000	24.928	375.000	2.500.000	527.400	500.000	546	1.000	73.194	62.662	-
7/37	175.000	24.942	375.000	2.500.000	531.849	500.000	-	-	92.707	84.281	-
8/38	200.000	24.942	375.000	2.500.000	536.534	500.000	-	-	113.029	106.709	-
9/39	225.000	24.942	375.000	2.500.000	542.467	500.000	1.232	1.000	136.477	132.264	-
10/40	250.000	24.942	375.000	2.500.000	547.714	500.000	-	-	158.761	156.654	-
11/41	275.000	24.942	375.000	2.500.000	553.240	500.000	-	-	182.039	180.986	-
12/42	300.000	24.949	375.000	2.500.000	559.706	500.000	2.027	1.000	209.107	208.054	-
13/43	325.000	24.949	375.000	2.500.000	565.516	500.000	-	-	234.393	233.340	-
14/44	350.000	24.949	375.000	2.500.000	571.633	500.000	-	-	260.836	259.783	-
15/45	375.000	24.949	375.000	2.500.000	579.074	500.000	2.945	1.000	292.451	291.398	-
16/46	400.000	24.949	375.000	2.500.000	585.910	500.000	-	-	321.644	321.644	-
17/47	425.000	24.963	375.000	2.500.000	592.397	500.000	-	-	351.627	351.627	-
18/48	450.000	24.963	375.000	2.500.000	600.228	500.000	4.009	1.000	388.061	388.061	-
19/49	475.000	24.963	375.000	2.500.000	607.474	500.000	-	-	421.276	421.276	-
20/50	500.000	24.963	375.000	2.500.000	615.104	500.000	-	-	456.092	456.092	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 6 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ / Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiêu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21/51	500.000	-	375.000	2.500.000	615.680	500.000	-	-	451.790	451.790	-
22/52	500.000	-	375.000	2.500.000	616.258	500.000	-	-	447.164	447.164	-
23/53	500.000	-	375.000	2.500.000	616.839	500.000	-	-	442.198	442.198	-
24/54	500.000	-	375.000	2.500.000	617.423	500.000	-	-	436.873	436.873	-
25/55	500.000	-	375.000	2.500.000	618.011	500.000	-	-	431.166	431.166	-
30/60	500.000	-	375.000	2.500.000	620.991	500.000	-	-	394.361	394.361	-
35/65	500.000	-	375.000	2.500.000	624.046	500.000	-	-	338.887	338.887	-
40/70	500.000	-	375.000	2.500.000	627.178	500.000	-	-	252.295	252.295	-
42/72	500.000	-	375.000	2.500.000	628.453	500.000	-	-	204.357	204.357	-
43/73	500.000	-	375.000	2.500.000	629.095	500.000	-	-	176.351	176.351	-
45/75	500.000	-	375.000	2.500.000	608.368	500.000	-	-	108.368	108.368	-
48/78	500.000	-	-	-	531.197	-	-	-	31.197	31.197	-
49/79	500.000	-	-	-	(*)	-	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
 chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 7 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiêu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	25.000	11.526	375.000	2.500.000	503.473	500.000	-	-	3.473	3.473	-
2/32	50.000	16.617	375.000	2.500.000	507.205	500.000	-	-	11.414	7.205	-
3/33	75.000	18.031	375.000	2.500.000	512.049	500.000	79	1.000	22.001	12.049	-
4/34	100.000	20.172	375.000	2.500.000	516.039	500.000	-	-	33.905	17.053	-
5/35	125.000	23.245	375.000	2.500.000	520.148	500.000	-	-	49.209	34.464	-
6/36	150.000	24.928	375.000	2.500.000	525.380	500.000	298	1.000	67.870	57.337	-
7/37	175.000	24.942	375.000	2.500.000	529.072	500.000	-	-	85.085	76.659	-
8/38	200.000	24.942	375.000	2.500.000	532.876	500.000	-	-	102.590	96.271	-
9/39	225.000	24.942	375.000	2.500.000	537.793	500.000	652	1.000	122.086	117.873	-
10/40	250.000	24.942	375.000	2.500.000	541.859	500.000	-	-	140.335	138.228	-
11/41	275.000	24.942	375.000	2.500.000	545.599	500.000	-	-	157.341	156.288	-
12/42	300.000	24.949	375.000	2.500.000	550.073	500.000	786	1.000	175.993	174.940	-
13/43	325.000	24.949	375.000	2.500.000	553.636	500.000	-	-	193.022	191.968	-
14/44	350.000	24.949	375.000	2.500.000	557.271	500.000	-	-	210.184	209.131	-
15/45	375.000	24.949	375.000	2.500.000	561.978	500.000	932	1.000	229.418	228.365	-
16/46	400.000	24.949	375.000	2.500.000	565.457	500.000	-	-	245.665	245.665	-
17/47	425.000	24.963	375.000	2.500.000	568.303	500.000	-	-	261.356	261.356	-
18/48	450.000	24.963	375.000	2.500.000	572.192	500.000	882	1.000	278.968	278.968	-
19/49	475.000	24.963	375.000	2.500.000	575.139	500.000	-	-	294.736	294.736	-
20/50	500.000	24.963	375.000	2.500.000	578.130	500.000	-	-	310.487	310.487	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 8 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiêu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21/51	500.000	-	375.000	2.500.000	578.520	500.000	-	-	304.895	304.895	-
22/52	500.000	-	375.000	2.500.000	578.913	500.000	-	-	298.921	298.921	-
23/53	500.000	-	375.000	2.500.000	579.308	500.000	-	-	292.542	292.542	-
24/54	500.000	-	375.000	2.500.000	579.704	500.000	-	-	285.733	285.733	-
25/55	500.000	-	375.000	2.500.000	580.103	500.000	-	-	278.459	278.459	-
30/60	500.000	-	375.000	2.500.000	582.125	500.000	-	-	232.340	232.340	-
35/65	500.000	-	375.000	2.500.000	584.199	500.000	-	-	164.151	164.151	-
40/70	500.000	-	375.000	2.500.000	558.379	500.000	-	-	58.379	58.379	-
42/72	500.000	-	375.000	2.500.000	502.724	500.000	-	-	2.724	2.724	-
43/73	500.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 9 / 27

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/31	21.065	3.935	25.000	13.395	79	13.474	7.670	3.856	11.526	522	7.813	7.812
2/32	21.406	3.594	25.000	8.311	72	8.383	13.095	3.522	16.617	546	8.586	8.586
3/33	21.406	3.594	25.000	6.897	72	6.969	14.509	3.522	18.031	570	8.686	8.686
4/34	21.406	3.594	25.000	4.756	72	4.828	16.650	3.522	20.172	594	8.786	8.787
5/35	21.406	3.594	25.000	1.683	72	1.755	19.723	3.522	23.245	618	8.881	8.883
6/36	21.406	3.594	25.000	-	72	72	21.406	3.522	24.928	642	8.988	8.991
7/37	22.096	2.904	25.000	-	58	58	22.096	2.846	24.942	666	9.670	9.677
8/38	22.096	2.904	25.000	-	58	58	22.096	2.846	24.942	690	9.865	9.876
9/39	22.096	2.904	25.000	-	58	58	22.096	2.846	24.942	711	10.022	10.038
10/40	22.096	2.904	25.000	-	58	58	22.096	2.846	24.942	720	10.182	10.207
11/41	22.096	2.904	25.000	-	58	58	22.096	2.846	24.942	720	10.364	10.401
12/42	22.437	2.563	25.000	-	51	51	22.437	2.512	24.949	720	10.830	10.883
13/43	22.437	2.563	25.000	-	51	51	22.437	2.512	24.949	720	11.013	11.092
14/44	22.437	2.563	25.000	-	51	51	22.437	2.512	24.949	720	11.191	11.295
15/45	22.437	2.563	25.000	-	51	51	22.437	2.512	24.949	720	11.361	11.498
16/46	22.437	2.563	25.000	-	51	51	22.437	2.512	24.949	720	11.510	11.696
17/47	23.126	1.874	25.000	-	37	37	23.126	1.837	24.963	720	12.260	12.503
18/48	23.126	1.874	25.000	-	37	37	23.126	1.837	24.963	720	12.402	12.699
19/49	23.126	1.874	25.000	-	37	37	23.126	1.837	24.963	720	12.540	12.923
20/50	23.126	1.874	25.000	-	37	37	23.126	1.837	24.963	720	12.695	13.174

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
 chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 10 / 27

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
21/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.844	6.405
22/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.146	6.758
23/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.463	7.132
24/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.795	7.528
25/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.151	7.959
30/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.940	11.225
35/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	14.046	16.128
40/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	21.302	24.687
42/72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	25.575	28.224
43/73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	28.230	2.521
45/75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	35.723	-
48/78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	28.095	-
49/79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	28.346	-

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ / Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	25.000	11.526	375.000	2.500.000	503.565	500.000	-	-	3.565	3.565	-
2/32	50.000	16.617	375.000	2.500.000	507.463	500.000	-	-	11.860	7.463	-
3/33	75.000	18.031	375.000	2.500.000	512.568	500.000	134	1.000	23.091	12.568	-
4/34	100.000	20.172	375.000	2.500.000	516.942	500.000	-	-	35.909	19.057	-
5/35	100.000	-	375.000	2.500.000	517.840	500.000	-	-	28.010	17.840	-
6/36	100.000	-	375.000	2.500.000	518.786	500.000	-	-	19.515	18.786	-
7/37	100.000	-	375.000	2.500.000	509.800	500.000	-	-	9.800	9.800	-
8/38	100.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
 chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 12 / 27

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ / Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	25.000	11.526	375.000	2.500.000	503.473	500.000	-	-	3.473	3.473	-
2/32	50.000	16.617	375.000	2.500.000	507.205	500.000	-	-	11.414	7.205	-
3/33	75.000	18.031	375.000	2.500.000	512.049	500.000	79	1.000	22.001	12.049	-
4/34	100.000	20.172	375.000	2.500.000	516.039	500.000	-	-	33.905	17.053	-
5/35	100.000	-	375.000	2.500.000	516.520	500.000	-	-	25.235	16.520	-
6/36	100.000	-	375.000	2.500.000	516.129	500.000	-	-	16.129	16.129	-
7/37	100.000	-	375.000	2.500.000	505.991	500.000	-	-	5.991	5.991	-
8/38	100.000	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 13 / 27

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
 (theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/31	21.065	3.935	25.000	13.395	79	13.474	7.670	3.856	11.526	522	7.813	7.812
2/32	21.406	3.594	25.000	8.311	72	8.383	13.095	3.522	16.617	546	8.586	8.586
3/33	21.406	3.594	25.000	6.897	72	6.969	14.509	3.522	18.031	570	8.686	8.686
4/34	21.406	3.594	25.000	4.756	72	4.828	16.650	3.522	20.172	594	8.786	8.787
5/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	618	8.913	8.914
6/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	642	9.061	9.063
7/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	666	9.786	9.786
8/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	631	9.190	5.013

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



GHI CHÚ

- Tổng Phí bảo hiểm đã đóng được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc. Chi tiết về Phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
- Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- Trang "Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm" thể hiện các minh họa về Phí bảo hiểm và các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm. Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế phụ thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa 5,3%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng, vì vậy giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung sẽ được cập nhật tại Trang web chính thức của Generali (generalivn.com). Chi tiết về hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm cụ thể được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa).
- Giá trị tài khoản đã bao gồm Quyền lợi duy trì hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi tiền mặt định kỳ (nếu có). Điều kiện cụ thể để nhận các Quyền lợi thường được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 15 / 27

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

Đơn vị: đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả				
		CHI TRANG				
1	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng (*)					
	Thương tật do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ thương tật				
	Bỏnng do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ Bỏnng				
	Chấn thương nội tạng do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Gãy xương do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	2.500.000				
	Tử vong do Tai nạn	500.000.000				
	Tử vong do Tai nạn trên các phương tiện giao thông công cộng hoặc trong thang máy công cộng; hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng theo Quy tắc và Điều khoản	1.000.000.000				
Tử vong do Tai nạn máy bay khi Người được bảo hiểm đang là hành khách trên chuyến bay dân dụng.	1.500.000.000					

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 16 / 27

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

2	BH miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo mở rộng	Đính kèm				
	Generali thay Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm phải đóng trong tương lai của Hợp đồng bảo hiểm cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của BHBT này hoặc khi kết thúc thời hạn 15 năm, tùy thời điểm nào đến trước, khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của BHBT này.					

GHI CHÚ:

Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm

(*) Khi xảy ra Sự kiện được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm từ 04 Tuổi trở xuống, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo Quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn (Phiên bản mở rộng): Quyền lợi Tử vong do Tai nạn sẽ trừ đi (các) quyền lợi Thương tật do Tai nạn, Bồng do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn, Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn, đã chi trả trước đó.



TÓM TẮT LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Điều khoản loại trừ
1	VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 2019	Tham khảo Điều 7, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ bảo hiểm sức khỏe cá nhân đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2018)
2	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Tử vong và thương tật do tai nạn - Phiên bản mở rộng
3	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2018)
4	VITA - Sống Lạc Quan	Tham khảo Điều 3, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2018)

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỲNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 18 / 27

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM (BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN)

BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU THEO NHÓM BỆNH			
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ		2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan	
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật		8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục	
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu		16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phòng động mạch chủ nặng không có triệu chứng	
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột		25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình	
5. Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai		33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vồng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình	

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC ANH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
 chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 19 / 27

NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHEO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH	
1. Ung thư	1. Ung thư	
2. Tạng chủ	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quy 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển
5. Khác	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển	53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
 chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 20 / 27

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ VITA - SỨC KHỎE VÀNG

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM		TIÊU CHUẨN	CAO CẤP	V.I.P
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM		Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (ngoại trừ nước Mỹ)
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỐI ĐA/NĂM HỢP ĐỒNG		250.000/năm	500.000/năm	1.000.000/năm
PHẠM VI BẢO HIỂM		Giới hạn phụ		
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ				
Viện phí và các chi phí y tế				
1.	Tiền giường và phòng	1.250/ngày	1.650/ngày	3.000/ngày
2.	Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	2.500/ngày	3.500/ngày	6.000/ngày
3.	Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân (tối đa 10 ngày/Năm hợp đồng)	750/ngày	1.000/ngày	1.500/ngày
4.	Chi phí Phẫu thuật	25.000 /Lần năm viện	50.000 /Lần năm viện	100.000 /Lần năm viện
5.	Các chi phí điều trị nội trú khác			
6.	Chi phí điều trị trước khi nhập viện (30 ngày trước nhập viện)	12.500 /Lần năm viện	25.000 /Lần năm viện	50.000 /Lần năm viện
7.	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (60 ngày sau xuất viện)			
8.	Chăm sóc y tế tại nhà (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	150/ngày	300/ngày	600/ngày
9.	Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	150/ngày	300/ngày	300/ngày
10.	Vận chuyển cấp cứu	2.500/năm	5.000/năm	Theo Chi phí y tế thực tế

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC ANH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 21 / 27

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ VITA - SỨC KHỎE VÀNG

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	TIÊU CHUẨN	CAO CẤP	V.I.P
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (ngoại trừ nước Mỹ)
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỐI ĐA/NĂM HỢP ĐỒNG	250.000/năm	500.000/năm	1.000.000/năm
Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tủy xương) - Chi phí y tế cho Người được bảo hiểm (người nhận tạng) - Chi phí y tế cho người hiến tạng tạng tối đa 50% Giới hạn phụ của phạm vi bảo hiểm này.	125.000 /lần cấy ghép	220.000 /lần cấy ghép	500.000 /lần cấy ghép
Điều trị ung thư	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế
Điều trị trong ngày	10.000/năm	15.000/năm	30.000/năm
Điều trị cấp cứu do Tai nạn			
1. Điều trị cấp cứu Thương tích do Tai nạn	5.000/Tai nạn	7.500/Tai nạn	15.000/Tai nạn
2. Điều trị tổn thương răng do Tai nạn			



BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ VITA - SỨC KHỎE VÀNG

QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ <i>Đơn vị: nghìn đồng</i>			
CHƯƠNG TRÌNH	TIÊU CHUẨN	CAO CẤP	V.I.P
PHẠM VI ĐỊA LÝ	Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (ngoại trừ nước Mỹ)
QLBH TỐI ĐA/ NĂM HỢP ĐỒNG (thuộc giới hạn của Quyền lợi điều trị nội trú)	5.000	10.000	20.000
Tỷ lệ Đồng chi trả (*)	20%	20%	0%
1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y	1.000 /lần khám	2.000 /lần khám	4.000 /lần khám
2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y	500/lần khám (05 lần khám/năm)	1.000/lần khám (10 lần khám/năm)	2.000/lần khám (15 lần khám/năm)

QUYỀN LỢI CHĂM SÓC THAI SẢN <i>Đơn vị: nghìn đồng</i>			
CHƯƠNG TRÌNH	TIÊU CHUẨN	CAO CẤP	V.I.P
PHẠM VI ĐỊA LÝ	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
QLBH TỐI ĐA/ NĂM HỢP ĐỒNG	25.000	25.000	40.000
Tỷ lệ Đồng chi trả (*)	20%	20%	0%
1. Tiền giường và phòng	1.650/ngày	1.650/ngày	3.000/ngày
2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/Năm)	5.000/năm	5.000/năm	10.000/năm
3. Chi phí khám thai (tối đa 5 lần/Năm)	1.500/năm	1.500/năm	2.500/năm
4. Các chi phí chăm sóc thai sản khác	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế

QUYỀN LỢI CHĂM SÓC NHA KHOA <i>Đơn vị: nghìn đồng</i>			
CHƯƠNG TRÌNH	TIÊU CHUẨN	CAO CẤP	V.I.P
PHẠM VI ĐỊA LÝ	Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (ngoại trừ nước Mỹ)
QLBH TỐI ĐA/ NĂM HỢP ĐỒNG (thuộc giới hạn của QL điều trị ngoại trú)	2.500	5.000	10.000
1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng (tối đa 02 lần/năm)	500/lần	1.000/lần	2.000/lần
2. Các chi phí khám và điều trị răng khác	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế	Theo Chi phí y tế thực tế

(*) Áp dụng cho Người được bảo hiểm trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân hoặc quốc tế.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỲNH NGỌC ANH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024

Trang số : 23 / 27

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo, Tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào ngày ký Giấy yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. Phí bảo hiểm đóng thêm: Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
3. Phí bảo hiểm hỗ trợ: Là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm hỗ trợ. Phí bảo hiểm hỗ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
4. Phí bảo hiểm định kỳ: là Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí đã chọn.
5. Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm hỗ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư tương ứng, Quyền lợi duy trì hợp đồng được cộng vào giá trị Tài khoản cơ bản theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
6. Tài khoản đóng thêm: Là tài khoản ghi nhận các giá trị tích lũy từ Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư tương ứng và Quyền lợi tiền mặt định kỳ được cộng vào giá trị Tài khoản đóng thêm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
7. Tài khoản hợp đồng: Là tài khoản ghi nhận tổng giá trị của của Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm hỗ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được quy định như sau:

Phí bảo hiểm của Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản	70%	40%	35%	25%	10%	0%
% Phí bảo hiểm hỗ trợ (áp dụng cho Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng & VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương)	60%	45%	15%	5%	0%	0%
% Phí bảo hiểm hỗ trợ (áp dụng cho các Bảo hiểm hỗ trợ khác)	50%	35%	30%	20%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					

9. Phí bảo hiểm rủi ro: Là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Bảo hiểm hỗ trợ (nếu có).



GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

10. Phí quản lý hợp đồng: Là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2019, Phí quản lý hợp đồng là 33.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.
11. Phí quản lý quỹ: Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Generali công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ tối đa là 2% mỗi năm tính trên giá trị Tài khoản hợp đồng.
12. Phí rút tiền từ Tài khoản hợp đồng: Phí rút tiền từ Tài khoản cơ bản là 2% số tiền rút và áp dụng trong suốt Thời hạn hợp đồng; không áp dụng Phí rút tiền từ Tài khoản đóng thêm.
13. Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn: Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn đối với Tài khoản cơ bản được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 - 15	16+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành hợp đồng	100%	100%	90%	80%	70%	50%	40%	30%	20%	10%	5%	0%

Nếu giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn, Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn bằng giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn đối với Tài khoản đóng thêm: Không áp dụng.

14. Lãi suất đầu tư: Là mức lãi suất được áp dụng để xác định số tiền lãi được cộng và tích lũy vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Lãi suất đầu tư là mức lãi suất cao hơn giữa lãi suất công bố và lãi suất đầu tư cam kết. Lãi suất đầu tư cam kết được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 20	21+
Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	4,0%	3,0%	2,0%	1,5%	0,5%

15. Quỹ liên kết chung: Là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Generali thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng. Generali có thể ủy thác việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cho một bên thứ ba. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung trong giai đoạn 2018 - 2023 như sau:

Năm hợp đồng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất đầu tư (%/năm)	6,25 - 6,5%	5,6 - 6,25%	5,2 - 5,6%	4,6 - 5,0%	4,4 - 5,6%	5,6 - 6,5%

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA

Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



240705141429360

In ngày : 05/07/2024

Trang số : 25 / 27

LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generalivn.com/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM & NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
<p>Tôi, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.- Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Tôi/Chúng tôi hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.- Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) sản phẩm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) sản phẩm bổ trợ, và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính.	
	<p style="text-align: center;">BÊN MUA BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: CHỊ TRANG Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: HUỖNH NGỌC NGA
Mã số Tư vấn bảo hiểm: GE000360

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày : 05/07/2024
Trang số : 27 / 27